



(Theo mẫu tại phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

NĂM 2024

Đà Nẵng, tháng 3 năm 2025

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400424349
- Vốn điều lệ: 33.549.960.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.549.960.000 đồng
- Địa chỉ: 75 Quang Trung, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: 02363.3822922
- Số fax: 02363.3826111
- Website: www.viconshipdanang.com
- Mã cổ phiếu: VSM

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty CP Container Miền Trung được chuyển đổi từ tháng 11/2015 từ công ty TNHH Container Miền Trung thành lập vào tháng 6 năm 2002, là công ty con của Công ty cổ phần Container Việt Nam.

- Nhờ sự hỗ trợ về vốn và chỉ đạo điều hành của công ty mẹ, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể lãnh đạo và nhân viên Công ty, Công ty CP Container Miền Trung đã liên tục phát triển, doanh thu tăng trưởng qua các năm, tài chính ổn định, sinh lợi hàng năm cho chủ sở hữu; đồng thời giải quyết công ăn việc làm, đóng góp vào nguồn thu ngân sách của địa phương.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:*

- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận đa phương thức, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh; Vận tải đa phương thức quốc tế. Đại lý vé máy bay.
- + Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải cho các hãng tàu trong và ngoài nước;
- + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Chi tiết: Sửa chữa đóng mới container;
- + Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Vệ sinh container;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- + Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa ô tô (Địa điểm: Đường số 02, KCN Hòa Cẩm, P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng);
- + Cho thuê xe có động cơ
- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- + Đại lý du lịch
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- + Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- + Điều hành tua du lịch
- + Vận tải hành khách đường bộ khác.

- Địa bàn kinh doanh: Hải Phòng, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, TP HCM, Miền Trung nước Lào. Trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn là khu vực Huế, Đà Nẵng, Miền Trung

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị Ban Giám đốc; Các đơn vị thành viên và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Bộ máy tổ chức Công ty gồm:

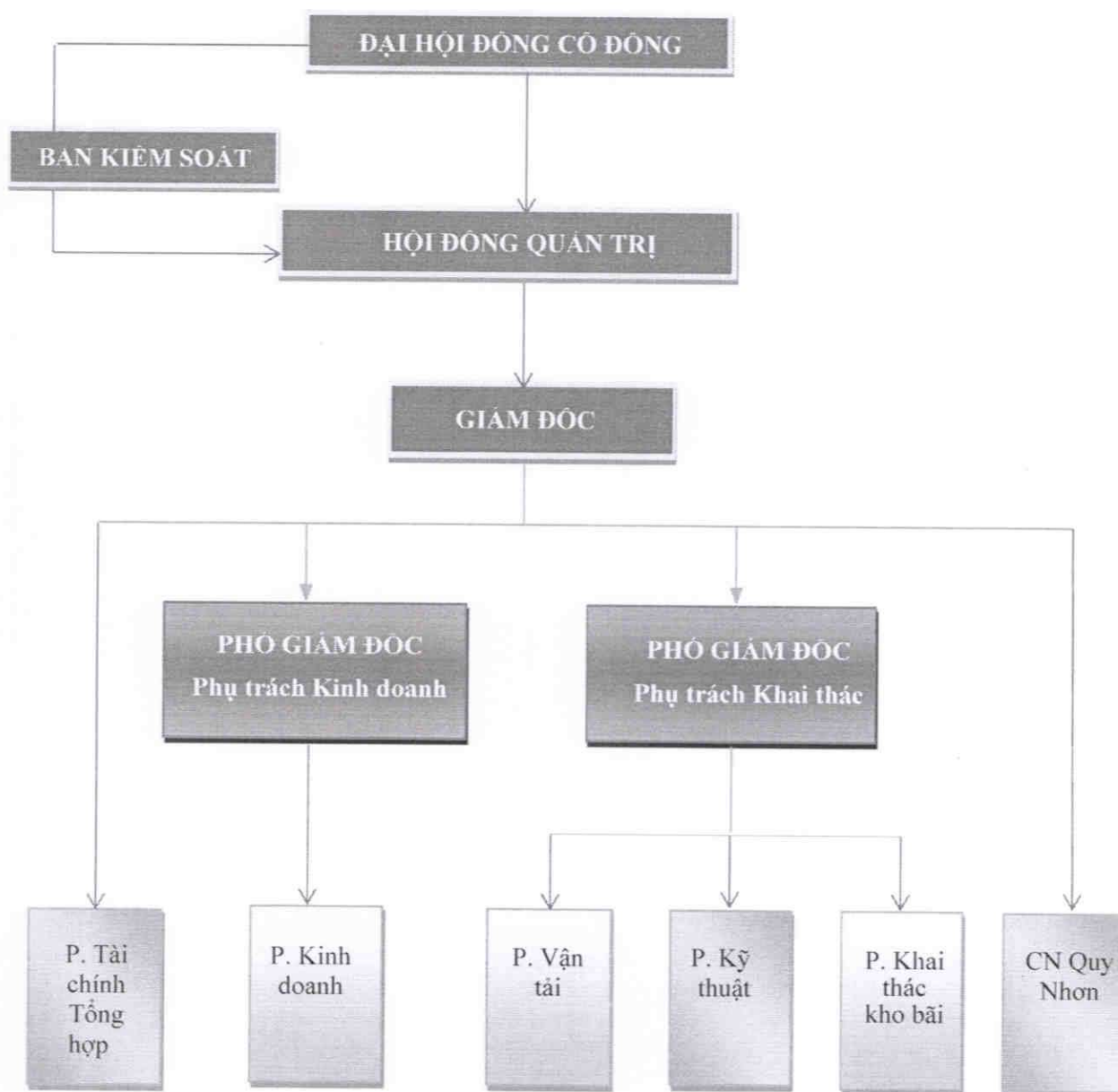
CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

+ Ban điều hành: 1 Giám đốc, 2 Phó giám đốc và 1 Kế toán trưởng

+ Có 5 phòng ban chức năng:

- + Phòng Tài chính - Tổng Hợp
- + Phòng Kinh doanh
- + Phòng Khai thác kho bãi
- + Phòng Kỹ thuật
- + Phòng Vận tải



Chi nhánh Công ty, các công ty con, công ty liên kết:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Lĩnh vực KD chính</i>	<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>Chiếm tỷ lệ</i>
CHI NHÁNH CÔNG TY CP CONTAINER MIỀN TRUNG TẠI QUI NHƠN	Số 83, đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Chi nhánh	Vận tải, bốc xếp		
CÔNG TY CP CONTAINER QUI NHƠN	Số 83, đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	4.609.000.000đ	83,8%

4. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh.

– Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa của doanh nghiệp.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

5. Các rủi ro:

Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, chiến tranh thương mại và xung đột vũ trang giữa các nước lớn nên tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ có nhiều biến động bất thường. Thị trường vận tải biển không ổn định. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2024 tiếp tục là một năm nhiều biến động, khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Các doanh nghiệp logistics phải đối mặt với khó khăn lớn về giá nhiên liệu và nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đột biến; các đơn hàng xuất khẩu đi Mỹ và Châu Âu giảm mạnh do nhu cầu mua sắm tiêu dùng giảm, cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, thị trường vận tải biển nhiều biến động. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo và định hướng tập trung từ HĐQT VSC, sự cố gắng nỗ lực của HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2024 được ĐHCĐ giao. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 đã đạt được:

- Tổng doanh thu thuần đạt: 294 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 16,1 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt: 3.651 đồng.

Hoạt động khai thác vận chuyển bộ vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch (tỷ đồng)			So sánh cùng kỳ (tỷ đồng)	
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2023	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	294	263	111,7%	264	111,3%
Lợi nhuận trước thuế	16,1	15	107,3%	15	107,3%

+ Doanh thu năm 2024 đạt 294 tỷ đồng, tăng 11,7% so với kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng 11,3% so với năm 2023.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 16,1 tỷ đồng, tăng 7,3% so với kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng 7,3% so với năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Bà Đặng Trần Gia Thoại	Giám đốc	0,83% VDL
Ông Ngô Quốc Vũ	Phó Giám đốc	1,27% VDL
Ông Hồ Khả Quốc	Phó Giám đốc	0,236 % VDL
Bà Trần Thị Phước	Kế toán trưởng	0,19% VDL

Tóm tắt lý lịch:**Bà: Đặng Trần Gia Thoại - TV HĐQT – Giám đốc**

Ngày sinh: 17/04/1974

Nơi sinh: Bệnh viện Đa khoa - TP Đà Nẵng

Số CCCD: 048174007560

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 17/8 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: (0236) 3822922

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Ngoại thương

Cử nhân Anh văn

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty

Thành viên HĐQT Công ty

Ông: Hồ Khả Quốc – Phó Giám đốc

Ngày sinh: 12/07/1977

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Số CCCD: 046077007105

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, P. Hoà Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: (0236) 3822922

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty CP Container Miền Trung

Ông Ngô Quốc Vũ- Phó Giám đốc

Ngày sinh: 24/02/1979

Nơi sinh: Đại Minh - Đại Lộc - Quảng Nam

SSố CCCD: 049079009406

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Đại Lộc - Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Công Trứ, P. An Hải Tây, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: (0236) 3822922

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty CP Container Miền Trung

Thành viên HĐQT Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Bà : Trần Thị Phước – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 13/06/1987

Nơi sinh: Quảng Nam

Số CCCD: 049187004705

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhuận Sơn, Duy Phú, Duy Xuyên, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 48 Bà Gia Thượng 2, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: (0236) 3822922

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty CP Container Miền Trung

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân trong năm 2024 của Công ty là: 161 người.

Công ty Cổ phần Container Miền Trung xem con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

3. Tình hình đầu tư

Trong năm 2024, Công ty có đầu tư thêm 06 đầu kéo container, 06 sơ mi rơ moóc với tổng số tiền là 6,7 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (+)/giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	130.041.006.612	124.387.558.102	-4,3%
Doanh thu thuần	263.996.469.627	294.480.746.178	11,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.684.419.516	15.895.448.251	8,2%
Lợi nhuận khác	321.268.922	255.118.700	-20,5%
Lợi nhuận trước thuế	15.005.688.438	16.150.566.951	7,3%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	11.673.710.448	12.249.874.740	4,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	Dự kiến không thấp hơn 10%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	2,02 lần	2,12 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	1,99 lần	2,04 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	37%	29%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	60%	71%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	203%	237%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	4%	4%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14%	14%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	9%	10%	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	6%	5%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 3.354.996 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 0 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.354.996 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Tổ chức	2.243.250	66,86 %
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	4.700	0,14 %
	Tổ chức Việt nam	2.238.550	66,72 %
	Cá nhân	1.111.746	33,14 %
	<i>Trong đó:</i>		
Cá nhân nước ngoài	48.840	1,46 %	
Cá nhân Việt nam	1.062.906	31,68 %	

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

2	Trong nước	3.301.456	98,4 %
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	2.238.550	66,72 %
	Cá nhân trong nước	1.062.906	31,68 %
	Nước ngoài	53.540	1,6 %
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	4.700	1,46 %
	Cá nhân nước ngoài	48.840	0,14 %
3	Phân loại khác		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần	2.180.750	65 %
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ phiếu quỹ		

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không
- e) Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là: 8,3 tỷ đồng.

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 49,6 tỷ đồng

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Công ty không tiêu thụ nước cho các hoạt động kinh doanh. Nước tiêu thụ là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng.

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 161 người.

Thu nhập bình quân: 19 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh định kỳ hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần và 48 giờ/ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Công ty thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển. Trong năm 2024 Công ty đã đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo các nội dung:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

+ An toàn – vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV

+ Huấn luyện PCCC cho toàn thể CBCNV

+ Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ lao động tiền lương, nghiệp vụ kế toán, sales & marketing

+ Đào tạo nghề 2: qui trình BDSC phương tiện cho Lái xe container và lái cầu

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty tích cực trong việc đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ các quỹ từ thiện, hỗ trợ cho người nghèo tại địa phương.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

+ Doanh nghiệp phải đối mặt với khó khăn lớn về giá nhiên liệu và nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đột biến; cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, thị trường vận tải biển nhiều biến động.

+ Tình hình thị trường vận tải container đường biển, đường bộ có nhiều biến động do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới.

Trước những biến động như vậy, HĐQT đã có những chỉ đạo thường xuyên, kịp thời, sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cùng toàn thể người lao động, các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty để giữ vững thị phần:

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

+ Doanh thu năm 2024 đạt 294 tỷ đồng, tăng 11,7% so với kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng 11,3% so với năm 2023.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 16,1 tỷ đồng, tăng 7,3% so với kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng 7,3% so với năm 2023.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2024, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển.

Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 130.041.006.612 đồng. trong đó tài sản ngắn hạn là 78.991.592.666 đồng và tài sản dài hạn là 51.049.413.946 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 124.387.558.102 đồng. trong đó tài sản ngắn hạn là 77.429.860.088 đồng và tài sản dài hạn là 46.957.698.014 đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 48.608.420.379 đồng. cuối kỳ là 36.457.169.525 đồng.

- Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Hoàn thiện mô hình tổ chức cũng như nhân sự các phòng ban Công ty để phát huy tối đa khả năng của cán bộ quản lý và người lao động. Bổ sung, điều chuyển lao động giữa các phòng ban phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác quản lý chặt chẽ, khoa học, hiệu quả, sát với thực tế sản xuất kinh doanh, linh hoạt, nhạy bén với thị trường.

- Các quy trình quản lý, qui trình sản xuất thường xuyên liên tục được rà soát, sửa đổi và làm mới hàng quý phù hợp với công việc, vận hành và ứng dụng các phần mềm E-truck, E-depot ...

- Quản trị các hoạt động khai thác kinh doanh, hoạt động tài chính theo đúng qui định của pháp luật hiện hành và các qui chế quản trị của Công ty.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của người lao động để tăng năng suất lao động. Khuyến khích người lao động cùng cán bộ quản lý phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật ứng dụng hàng ngày trong sản xuất để nâng cao năng xuất và tiết kiệm chi phí.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty. Năm 2025 tiếp tục chú trọng khai thác vận tải, mở rộng thị trường tại Lào, tìm và phát triển hàng hai chiều tăng từ 10-15%, xây dựng vận chuyển định tuyến cố định quay đầu & chuyên tuyến cho các tuyến đường có số lượng hàng ổn định. Phát triển hàng dự án, dịch vụ container treo, container văn phòng, mua bán và cho thuê container, hàng siêu trường siêu

trọng, mở rộng dịch vụ sửa chữa phương tiện thiết bị.

- Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững các khách hàng hiện tại, tiếp cận khách hàng mục tiêu, tìm thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty.

- Tiếp tục tìm cơ hội đầu tư mở rộng sản xuất tại các tỉnh Miền Trung, lựa chọn hạng mục đầu tư phù hợp, đầu tư thêm xe đầu kéo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi để phát triển mở rộng sản xuất.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của người lao động và đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, liên tục khuyến khích người lao động học ngoại ngữ và học nghề 2.

- Rà soát các quy trình phù hợp với điều kiện thực tế, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ hiệu quả và tiết kiệm.

- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Quản lý tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% -15% và có tích lũy cần thiết để đầu tư và mở rộng sản xuất.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty Cổ phần Container Miền Trung xem con người là cột nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Công ty tích cực trong việc đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ các quỹ từ thiện, hỗ trợ cho người nghèo tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2024 tiếp tục là một năm nhiều biến động, khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Xung đột vũ trang và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; tác động của thiên tai do biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu, làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn; giá dầu thô, lương thực, thực phẩm và nhiều vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh; lạm phát tăng cao đột biến ở nhiều quốc gia. Các doanh nghiệp logistics phải đối mặt với khó khăn lớn về giá nhiên liệu và nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đột biến; cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, thị trường vận tải biển nhiều biến động. Song nhờ sự chỉ đạo, định hướng tập trung từ HĐQT VSC, sự cố gắng nỗ lực của HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2024 được ĐHCĐ giao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Các mảng kinh doanh chính của Công ty như: vận tải, kho, bãi và đại lý ổn định. Công tác làm thị trường được BGD Công ty đặc biệt chú trọng để thích ứng với tình hình thị trường nhiều biến động.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ.

Công tác tiếp thị làm thị trường được ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng dịch vụ mang lại nhiều doanh thu, lợi nhuận, đồng thời luôn chỉ đạo từ các cấp quản lý đến người lao động trực tiếp với quan điểm: khách hàng là sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Công ty tiếp tục phát triển với ổn định về quy mô, doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng. Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định tại khu vực Miền Trung, quan hệ hợp tác với các khách hàng, các tổ chức trong nước và quốc tế ngày càng mở rộng. Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập ổn định. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường và đại dịch Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan, đưa Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững.

Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính ổn định; đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Ông Lê Thế Trung	Chủ tịch HĐQT	0,13%	Thành viên HĐQT	0
2	Ông Nguyễn Việt Trung	Ủy viên	0%	Thành viên HĐQT	1
3	Bà Đặng Trần Gia Thoại	Ủy viên	0,83%	Thành viên HĐQT	2
4	Ông Ngô Quốc Vũ	Ủy viên	1,27%	Thành viên HĐQT	1
5	Bà Trần Thị Phương Anh	Ủy viên	0%	Thành viên HĐQT	4

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Bà Trần Thị Phước là thư ký HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch HĐQT Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ hiện tại của từng thành viên là 03 năm từ 2024 – 2027. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giám sát công tác điều hành quản lý, củng cố mô hình tổ chức, phát huy tối đa năng lực của cán bộ lãnh đạo, trao cơ hội cho người lao động cùng làm chủ Công ty.

Trong năm 2024, HĐQT luôn sát cánh cùng Ban điều hành, kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp, linh hoạt nhằm giữ vững thị trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả. Kết thúc năm 2024, toàn Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2024 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định/BB	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ- HĐQT	20/02/2024	1/ Thống nhất thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của Công ty CP Container Miền Trung như sau : <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp : ngày 12/03/2024. - Thời gian dự kiến tổ chức đại hội : sẽ thông báo sau (dự kiến tháng 04/2024) - Địa điểm tổ chức đại hội : tại Đà Nẵng (địa điểm cụ thể sẽ thông báo sau) - Nội dung họp: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. + Báo cáo hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024. + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát. + Bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2027. + Những nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội.
2	02/2024/NQ- HĐQT	13/03/2024	1/ Thống nhất thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của Công ty CP Container Miền Trung như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tổ chức đại hội: ngày 06/04/2024 - Địa điểm tổ chức đại hội: Khách sạn Sông Hàn, số 14, đường Lý Tự trọng, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng
3	03/2024/BB- HĐQT	05/04/2024	1/ Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty CP Container Miền Trung tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sông Hàn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hạn mức tín dụng tối đa (bao gồm vay vốn, bảo lãnh, mở L/C): 7.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

			<p>+ Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Container Miền Trung.</p> <p>+ Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định BIDV từng thời kỳ.</p> <p>2/ Thông qua việc cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty và/hoặc các tài sản khác của bên thứ ba (nếu có) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng đối với khoản vay/bảo lãnh/mở L/C nêu trên. Cụ thể các tài sản gồm:</p> <p>Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 693139 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp ngày 23/08/2011. Số vào sổ cấp GCN: CT00565. Chủ sở hữu: Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Miền Trung tại Quy Nhơn.</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Miền Trung tại Quy Nhơn là đơn vị quản lý tài sản thế chấp.</p> <p>3/ Chỉ định Bà Đặng Trần Gia Thoại, hiện giữ chức vụ Giám đốc đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan...</p> <p>Bà Đặng Trần Gia Thoại được quyền ủy quyền lại cho người khác đại diện Công ty thực hiện các công việc nêu trên. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản riêng.</p> <p>4/ Hội đồng quản trị Công ty, Bà Đặng Trần Gia Thoại và người được Bà Đặng Trần Gia Thoại ủy quyền chịu trách nhiệm về các văn bản, hợp đồng do Bà Đặng Trần Gia Thoại và người được Bà Đặng Trần Gia Thoại ủy quyền trong phạm vi quy định của pháp luật.</p>
4	04/2024/BB-HĐQT	06/04/2024	HĐQT Công ty bầu Ông Lê Thế Trung giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Container Miền Trung nhiệm kỳ 2024-2027.
5	03/2024/NQ-HĐQT	06/04/2024	<p>1/ Thông qua việc tái bổ nhiệm, bổ nhiệm các chức danh trong ban điều hành, quản lý Công ty CP Container Miền Trung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tái bổ nhiệm Bà Đặng Trần Gia Thoại (sinh năm 1974); trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương, cử nhân anh văn; giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP Container Miền Trung.- Tái bổ nhiệm Ông Ngô Quốc Vũ (sinh năm 1979); trình độ chuyên môn: Cử nhân anh văn; giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Container Miền Trung kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Container Miền Trung tại Quy Nhơn.- Tái bổ nhiệm Bà Trần Thị Phước (sinh năm 1987); trình độ chuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

			<p>môn: Cử nhân kinh tế - kế toán; giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Container Miền Trung.</p> <p>- Tái bổ nhiệm Bà Trần Thị Phước (sinh năm 1987); trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - kế toán; giữ chức vụ Thư ký công ty kiêm người Phụ trách quản trị Công ty CP Container Miền Trung.</p> <p>- Bổ nhiệm Ông Hồ Khả Quốc (sinh năm 1977); trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực; giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Container Miền Trung.</p> <p>- Thời gian bổ nhiệm các chức danh nêu trên là 03 năm, kể từ ngày 06/04/2024, (theo nhiệm kỳ 2024-2027 của Hội đồng quản trị).</p> <p>- Các ông bà được bổ nhiệm nêu trên có quyền hạn và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật, Điều lệ và qui chế Công ty.</p> <p>2/ Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Container Miền Trung đối với Ông Nguyễn Văn Thương (sinh năm 1964) kể từ ngày 06/04/2024.</p>
6	04/2024/NQ-HĐQT	06/04/2024	<p>1/ Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2024.</p> <p>Đối tượng ký kết và thực hiện hợp đồng: Các công ty trong khối nhóm Viconship và các bên có liên quan khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán theo danh sách Người liên quan của Công ty từng thời điểm.</p> <p>2/ Hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tùy từng trường hợp cụ thể tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch đó. Tổng giá trị giao dịch phát sinh với một trong các đối tượng trên trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>3/ Ủy quyền cho Giám đốc Công ty trong việc triển khai, đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan theo quy định tại điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>
7	05/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	<p>Thống nhất chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ thực hiện : 12% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 1.200 đồng)- Ngày đăng ký cuối cùng : 08/05/2024- Ngày chi trả : 31/05/2024 <p>Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng qui định hiện hành</p>
			<p>Thống nhất lựa chọn nhà thầu là Công ty Kim Hoàng Hào cung cấp xe đầu kéo Faw và Công ty Cơ khí Tân Thanh cung cấp mooc 40' để đầu tư</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

8	06/2024/NQ-HDQT	04/06/2024	<p>phương tiện thiết bị theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua.</p> <p>- Giao Giám Đốc Công ty ký kết các văn bản, hợp đồng với các nhà thầu được lựa chọn để triển khai đầu tư phương tiện kịp thời phục vụ hoạt động SXKD trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật.</p>
9	07/2024/NQ-HDQT	20/06/2024	<p>Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty Cổ phần Container Miền Trung.</p> <p>Giao Giám đốc Công ty thực hiện việc đàm phán, ký kết Hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.</p>
10	08/2024/NQ-HDQT	24/09/2024	<p>1/ Thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Container Miền Trung.</p> <p>2/ Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị công ty kể từ ngày 24/09/2024 với số lượng nhân sự là 03 (ba) người, bao gồm các thành viên sau :</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bà Lê Thị Ngà - Trưởng Ban kiểm toán.2. Bà Nguyễn Trinh Thục - Thành viên.3. Bà Lê Thị Lệ Huyền - Thành viên. <p>3/ Thông qua việc ban hành “Quy chế kiểm toán nội bộ”. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ phối hợp giữa Ban kiểm toán nội bộ với các bộ phận trong công ty được quy định cụ thể tại Quy chế kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị phê duyệt.</p>
11	09/2024/NQ-HDQT	28/12/2024	<p>1/ Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2025.</p> <p>Đối tượng ký kết và thực hiện hợp đồng: Các công ty trong khối nhóm Viconship và các bên có liên quan khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán theo danh sách Người liên quan của Công ty từng thời điểm.</p> <p>2/ Hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tùy từng trường hợp cụ thể tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch đó. Tổng giá trị giao dịch phát sinh với một trong các đối tượng trên trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>3/ Ủy quyền cho Giám đốc Công ty trong việc triển khai, đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan theo quy định tại điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 75 Quang Trung, P. Hải Châu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban	0,066%
Bà Nguyễn Thị Như Ngọc	Ủy viên	-
Bà Đặng Thanh Tâm	Ủy viên	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 3 lần trong năm với các nội dung chính:

- Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính của công ty, báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tiền thưởng HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua và đã chi trong năm 2024 là 584.000.000 đồng.
- Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc Công ty đã chi trong năm 2024 là: 3.260.028.802 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

Số: 124/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Container Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 25/02/2025 của Công ty Cổ phần Container Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 41/BCKT-TC ngày 15/03/2024, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Nguyễn Quốc Hùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4573-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.429.860.088	78.991.592.666
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.025.898.191	37.965.257.699
1. Tiền	111		18.025.898.191	15.465.257.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	22.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.932.791.427	38.023.057.922
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	35.849.914.748	35.986.754.651
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		260.408.419	337.668.309
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.a	2.468.310.781	1.894.166.563
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(645.842.521)	(195.531.601)
IV. Hàng tồn kho	140		3.093.958.638	1.129.447.014
1. Hàng tồn kho	141	9	3.093.958.638	1.129.447.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.377.211.832	1.873.830.031
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	1.279.343.817	1.465.398.248
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	27.477.970
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	97.868.015	380.953.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.957.698.014	51.049.413.946
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		480.800.000	1.709.708.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	480.800.000	1.709.708.000
II. Tài sản cố định	220		44.445.199.543	47.112.156.514
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	44.202.621.418	47.108.556.514
- Nguyên giá	222		129.555.837.443	122.975.204.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.353.216.025)	(75.866.648.214)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	242.578.125	3.600.000
- Nguyên giá	228		328.500.000	66.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.921.875)	(62.400.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		258.250.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	258.250.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.773.448.471	2.227.549.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	1.773.448.471	2.208.937.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	18.611.932
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.387.558.102	130.041.006.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm
2024 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.457.169.525	48.608.420.379
I. Nợ ngắn hạn	310		36.457.169.525	39.134.736.168
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.609.684.792	23.187.728.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		139.332.563	28.444.636
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	952.318.030	1.040.046.343
4. Phải trả người lao động	314		11.514.592.577	2.089.327.745
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	7.506.919.250
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.899.734.274	1.010.689.159
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	-	3.789.473.684
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		341.507.289	482.107.289
II. Nợ dài hạn	330		-	9.473.684.211
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	-	9.473.684.211
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.930.388.577	81.432.586.233
I. Vốn chủ sở hữu	410		87.930.388.577	81.432.586.233
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	33.549.960.000	33.549.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		33.549.960.000	33.549.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.382.700.000	1.382.700.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	32.354.101.158	26.457.385.910
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	18.635.270.087	18.045.593.843
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18	6.385.395.347	6.371.883.395
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18	12.249.874.740	11.673.710.448
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.008.357.332	1.996.946.480
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.387.558.102	130.041.006.612

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đặng Trần Gia Thoại

Trần Thị Phước

Nguyễn Thị Ngọc Thi

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	294.480.746.178	263.996.469.627
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		294.480.746.178	263.996.469.627
4. Giá vốn hàng bán	11	20	263.141.177.521	238.768.223.082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		31.339.568.657	25.228.246.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	616.568.272	866.563.449
7. Chi phí tài chính	22	22	399.162.945	1.052.919.813
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		378.475.046	1.035.588.026
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	23.a	3.473.041.705	2.199.137.381
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	12.188.484.028	8.158.333.284
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.895.448.251	14.684.419.516
12. Thu nhập khác	31	24	376.066.198	321.268.922
13. Chi phí khác	32	25	120.947.498	-
14. Lợi nhuận khác	40		255.118.700	321.268.922
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.150.566.951	15.005.688.438
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.799.242.475	3.170.857.700
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		18.611.932	89.693.338
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.332.712.544	11.745.137.400
19. LNST của cổ đông công ty mẹ	61		12.249.874.740	11.673.710.448
20. LNST của cổ đông không kiểm soát	62		82.837.804	71.426.952
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.651	2.962
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	3.651	2.962

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đặng Trần Gia Thoại

Trần Thị Phước

Nguyễn Thị Ngọc Thi

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp

Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.150.566.951	15.005.688.438
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13,14	9.592.642.086	9.411.549.096
- Các khoản dự phòng	03		450.310.920	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(186.176.896)	(198.872.489)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(466.979.849)	(784.450.082)
- Chi phí lãi vay	06	26	378.475.046	1.035.588.026
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.918.838.258	24.469.502.989
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		805.212.324	16.752.962.067
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	(1.964.511.624)	(10.028.150)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.461.299.515	(6.508.761.437)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11	621.543.460	(167.360.919)
- Tiền lãi vay đã trả	14	19,26	(490.394.296)	(1.121.923.570)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.638.220.711)	(3.750.452.474)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.891.600.000)	(1.788.378.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.822.166.926	27.875.560.506
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ	21		(7.183.935.115)	(2.005.321.163)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		65.454.545	134.090.909
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	1.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		518.804.755	650.359.173
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.599.675.815)	(220.871.081)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(13.263.157.895)	(4.815.789.470)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.083.910.200)	(4.025.995.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.347.068.095)	(8.841.784.670)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.124.576.984)	18.812.904.755
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	37.965.257.699	19.046.941.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		185.217.476	105.411.851
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	35.025.898.191	37.965.257.699

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đặng Trần Gia Thoại

Trần Thị Phước

Nguyễn Thị Ngọc Thi

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Container Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Container Miền Trung (Công ty TNHH được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13/06/2002). Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp mới là số 0400424349 và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/01/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận đa phương thức, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh. Vận tải đa phương quốc tế. Đại lý bán vé máy bay;
- Môi giới hàng hải cho các hãng tàu trong và ngoài nước;
- Vệ sinh container.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 đơn vị chi nhánh phụ thuộc và 1 công ty con là Công ty Cổ phần Container Quy Nhơn, cụ thể:

Tên Chi nhánh/ Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
Chi nhánh tại Quy Nhơn	Số 83 đường Hai Bà Trưng, P. Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Bình Định	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải	
Công ty Cổ phần Container Quy Nhơn – Công ty con	Số 83 đường Hai Bà Trưng, P. Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Bình Định	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải	83,8%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế

ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tpe.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các dịch vụ vận tải. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, hoạt động này được áp dụng thuế suất 8% theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	364.125.873	193.549.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.661.772.318	15.271.708.087
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	22.500.000.000
Cộng	<u>35.025.898.191</u>	<u>37.965.257.699</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	6.160.482.036	4.201.224.350
Công ty TNHH Maersk Logistic	6.238.475.000	5.686.180.000
Các đối tượng khác	23.450.957.712	26.099.350.301
Cộng	<u>35.849.914.748</u>	<u>35.986.754.651</u>

7. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	848.275.023	-	348.377.938	-
Lãi dự thu	47.816.440	-	165.095.891	-
Phải thu khác	1.572.219.318	-	1.380.692.734	-
- Công ty CP Frit Huế	191.757.999	-	243.112.468	-
- Công ty TNHH Basteel Can Making	714.216.072	-	430.415.563	-
- Các đối tượng khác	666.245.247	-	707.164.703	-
Cộng	<u>2.468.310.781</u>	<u>-</u>	<u>1.894.166.563</u>	<u>-</u>

b. Dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	480.800.000	-	1.709.708.000	-
Cộng	<u>480.800.000</u>	<u>-</u>	<u>1.709.708.000</u>	<u>-</u>

8. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024	01/01/2024
Số dư đầu năm	195.531.601	195.531.601
Trích lập trong năm	450.310.920	-
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số dư cuối kỳ	645.842.521	195.531.601

Nợ xấu:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	645.842.521		195.531.601	
Công ty TNHH Vận tải Tấn Thuận	450.332.920	-	-	-
Công ty TNHH Hải Hà	36.500.000	-	36.500.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Huy	35.705.100	-	35.705.100	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Trương Võ	30.986.600	-	30.986.600	-
Các đối tượng khác	92.317.901	-	92.339.901	-
Cộng:	645.842.521	-	195.531.601	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.093.958.638	-	1.129.447.014	-
Cộng	3.093.958.638	-	1.129.447.014	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2024.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.279.343.817	1.465.398.248
Cộng	<u>1.279.343.817</u>	<u>1.465.398.248</u>

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê đất ICD Hòa Cầm	1.726.987.500	2.208.937.500
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	46.460.971	-
Cộng	<u>1.773.448.471</u>	<u>2.208.937.500</u>

11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	25.207.107	1.344.774.234	1.335.629.323	-	34.352.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.017.993	1.014.839.236	3.799.242.475	3.638.220.711	32.123.005	917.966.012
Thuế thu nhập cá nhân	90.935.820		884.709.489	859.518.679	65.745.010	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		144.925.361	144.925.361	-	-
Các loại thuế khác	-		42.288.030	42.288.030	-	-
Cộng	<u>380.953.813</u>	<u>1.040.046.343</u>	<u>6.215.939.589</u>	<u>6.020.582.104</u>	<u>97.868.015</u>	<u>952.318.030</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	11.820.769.112	33.000.000	110.942.313.616	179.122.000	122.975.204.728
Mua sắm trong năm	-	-	6.629.376.024	33.809.091	6.663.185.115
Giảm trong năm	-	-	82.552.400	-	82.552.400
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	11.820.769.112	33.000.000	117.489.137.240	212.931.091	129.555.837.443
Khấu hao					
Số đầu năm	7.756.728.522	33.000.000	67.921.954.983	154.964.709	75.866.648.214
Khấu hao trong năm	491.718.867	-	9.058.560.842	18.840.502	9.569.120.211
Giảm trong năm	-	-	82.552.400	-	82.552.400
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	8.248.447.389	33.000.000	76.897.963.425	173.805.211	85.353.216.025
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.064.040.590	-	43.020.358.633	24.157.291	47.108.556.514
Số cuối năm	3.572.321.723	-	40.591.173.815	39.125.880	44.202.621.418

- Không có TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại thời điểm 31/12/2024.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 32.900.580.571 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	66.000.000
Mua trong năm	262.500.000
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	328.500.000
Khấu hao	
Số đầu năm	62.400.000
Khấu hao trong năm	23.521.875
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	85.921.875
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.600.000
Số cuối năm	242.578.125

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 66.000.000 đồng

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí mua sắm TSCĐ	258.250.000	-
Cộng	258.250.000	-

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	2.633.496.723	2.521.721.310
Công ty TNHH MTV Xăng dầu khu vực V-CHI1	1.875.470.897	1.931.239.635
Công ty TNHH Hàng hải Liên kết Việt	1.843.474.110	1.843.474.110
Công ty TNHH Hiệp Vĩnh An	1.587.378.600	314.007.840
Các đối tượng khác	13.669.864.462	16.577.285.167
Cộng	21.609.684.792	23.187.728.062

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	721.740.702	355.801.702
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	547.000.000	57.912.156
Phải trả ngắn hạn khác	630.993.572	596.975.301
Cộng	1.899.734.274	1.010.689.159

17. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	3.789.473.684	-	3.789.473.684	-
<i>Công ty CP Container Việt Nam (Bên liên quan)</i>	<i>3.789.473.684</i>		<i>3.789.473.684</i>	-
Cộng	3.789.473.684	-	3.789.473.684	-

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Công ty CP Container Việt Nam (Bên liên quan)	13.263.157.895	-	13.263.157.895	-
Cộng	13.263.157.895	-	13.263.157.895	-

Trong đó

- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	3.789.473.684			-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.473.684.211			-

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cơ đồng không kiểm soát	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	30.500.000.000	1.382.700.000	18.142.528.419	2.180.264.528	23.661.696.086
Tăng trong năm	3.049.960.000	-	8.314.857.491	71.426.952	11.673.710.448
Giảm trong năm	-	-	-	254.745.000	17.289.812.691
Số dư tại 31/12/2023	33.549.960.000	1.382.700.000	26.457.385.910	1.996.946.480	18.045.593.843
Số dư tại 01/01/2024	33.549.960.000	1.382.700.000	26.457.385.910	1.996.946.480	18.045.593.843
Tăng trong năm	-	-	5.896.715.248	82.837.804	12.249.874.740
Giảm trong năm	-	-	-	71.426.952	11.660.198.496
Số dư tại 31/12/2024	33.549.960.000	1.382.700.000	32.354.101.158	2.008.357.332	18.635.270.087

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	18.045.593.843	23.661.696.086
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	12.249.874.740	11.673.710.448
Phân phối lợi nhuận năm trước	11.660.198.496	17.289.812.691
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.153.488.048	1.419.000.000
- Chia cổ tức	4.025.995.200	4.025.995.200
- Quỹ thưởng HĐQT và BKS	584.000.000	480.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	5.896.715.248	5.287.159.581
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	3.049.960.000
- Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	3.027.697.910
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	18.635.270.087	18.045.593.843

19. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	294.480.746.178	263.996.469.627
Cộng	294.480.746.178	263.996.469.627

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	263.141.177.521	238.768.223.082
Cộng	263.141.177.521	238.768.223.082

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	401.525.304	650.359.173
Lãi chênh lệch tỷ giá	215.042.968	216.204.276
Cộng	616.568.272	866.563.449

22. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	378.475.046	1.035.588.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.687.899	17.331.787
Cộng	399.162.945	1.052.919.813

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên bán hàng	3.473.041.705	2.199.137.381
Cộng	3.473.041.705	2.199.137.381

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên vật liệu	121.307.287	273.893.990
Chi phí nhân viên quản lý	5.448.909.710	5.180.375.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.843.982	648.532.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.740.602.969	951.151.676
Chi phí dự phòng	450.310.920	-
Chi phí khác bằng tiền	2.741.509.160	1.104.379.301
Cộng	12.188.484.028	8.158.333.284

24. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thanh lý tài sản cố định	65.454.545	134.090.909
Chiết khấu xăng dầu	110.100.000	88.600.000
Chiết khấu mua bảo hiểm	157.263.182	56.180.455
Các khoản khác	43.248.471	42.397.558
Cộng	376.066.198	321.268.922

25. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Đền bù hàng hóa	33.814.870	-
Chi phạt vi phạm hành chính	84.769.267	-
Các khoản khác	2.363.361	-
Cộng	120.947.498	-

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.150.566.951	15.005.688.438
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.553.179.836	405.295.061
- Điều chỉnh tăng	1.646.239.483	853.761.750
+ Chi phí không hợp lệ	1.646.239.483	853.761.750
- Điều chỉnh giảm	93.059.647	448.466.689
+ Điều chỉnh do hợp nhất	93.059.647	448.466.689
Tổng thu nhập chịu thuế	17.703.746.787	15.410.983.499
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.799.242.475	3.170.857.700
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	3.540.749.357	3.082.196.700
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	258.493.118	88.661.000

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.592.771.608	56.441.309.874
Chi phí nhân công	42.754.235.043	38.382.346.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.592.642.086	9.576.256.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.445.950.558	121.816.938.207
Chi phí bằng tiền khác	60.417.103.959	22.908.842.777
Cộng	278.802.703.254	249.125.693.747

28. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.249.874.740	11.673.710.448
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.737.488.048)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	1.737.488.048
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.249.874.740	9.936.222.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.354.996	3.354.996
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	3.651	2.962

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được tính khi chưa trừ các quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội cổ đông và Điều lệ công ty không quy định cụ thể mức trích lập quỹ này. Tùy tình hình kinh doanh thực tế, Ban Giám đốc đề xuất mức trích các quỹ cuối mỗi năm để Đại hội cổ đông phê duyệt.

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng hội đồng quản trị và ban kiểm soát đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là cung cấp dịch vụ logistic và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tài sản tài chính		
- Tiền và các khoản tương đương tiền (USD)	156.549,33	163.235,76
- Phải thu khách hàng (USD)	44.996,63	46.006,74
Nợ phải trả tài chính		
- Phải trả người bán (USD)	2.506,18	7.639,88

Quản lý rủi ro về giá

Nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu tại Công ty là các loại nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu phục vụ dịch vụ vận tải. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng. Khách hàng của Công ty hầu như là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, và tình hình thanh toán kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Tiền gửi ngắn hạn của Công ty chủ yếu tại các ngân hàng lớn, có uy tín.

Do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	21.609.684.792	-	21.609.684.792
Phải trả khác	1.177.993.572	-	1.177.993.572
Cộng	22.787.678.364	-	22.787.678.364
<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	23.187.728.062	-	23.187.728.062
Chi phí phải trả	7.506.919.250	-	7.506.919.250
Vay và nợ thuê tài chính	3.789.473.684	9.473.684.211	13.263.157.895
Phải trả khác	654.887.457		654.887.457
Cộng	35.139.008.453	9.473.684.211	44.612.692.664

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.025.898.191	-	35.025.898.191
Phải thu khách hàng	35.204.072.227	-	35.204.072.227
Phải thu khác	1.620.035.758	480.800.000	2.100.835.758
Cộng	71.850.006.176	480.800.000	72.330.806.176
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.965.257.699	-	37.965.257.699
Phải thu khách hàng	35.791.223.050	-	35.791.223.050
Phải thu khác	1.545.788.625	1.709.708.000	3.255.496.625
Cộng	75.302.269.374	1.709.708.000	77.011.977.374

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Container Qui Nhơn	Công ty con
Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic xanh	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Cảng Xanh VIP	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Cùng công ty mẹ

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Container Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	354.731.481	643.886.530
	Cổ tức đã trả	2.616.900.000	-
	Trả nợ gốc vay	13.263.157.895	4.815.789.470
	Trả lãi vay	378.475.071	1.121.923.570
Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	520.548.183	547.058.667
	Sử dụng dịch vụ	492.429.686	121.495.135
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Cung cấp dịch vụ	462.962.963	469.362.963
	Sử dụng dịch vụ	102.691.852	300.377.929
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ	101.511.254	526.913.185
	Sử dụng dịch vụ	642.306.474	442.647.075
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	538.123.902	292.125.551
	Sử dụng dịch vụ	359.790.068	205.859.605
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic xanh	Cung cấp dịch vụ	344.159.258	-
Công ty CP Cảng Xanh VIP	Cung cấp dịch vụ	2.185.942.787	2.347.128.168
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh	Cung cấp dịch vụ	549.074.075	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Cung cấp dịch vụ	1.134.185.186	551.160.775
	Sử dụng dịch vụ	1.707.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Container Việt Nam	Phải thu khách hàng	25.130.000	-
Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	74.415.000	45.752.120
	Phải trả người bán	108.800.700	39.586.600
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	4.830.000	-
	Phải trả người bán	4.052.800	-
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	Phải thu khách hàng	123.626.069	32.950.914
	Phải trả người bán	244.758.000	-
Công ty CP Cảng Xanh VIP	Phải thu khách hàng	138.150.000	58.860.000
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh	Phải thu khách hàng	14.760.000	20.210.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Phải thu khách hàng	11.940.000	-

32. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty không nhận thù lao.

Tiền thưởng các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã nhận như sau

Giao dịch	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Tiền thưởng Hội đồng quản trị			
Ông Lê Thế Trung	Chủ tịch HĐQT	87.000.000	70.200.000
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	70.200.000
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên HĐQT	84.000.000	17.100.000
Tiền thưởng Ban Kiểm soát			
Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng BKS	52.000.000	48.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm	Thành viên BKS	39.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Như Ngọc	Thành viên BKS	2.000.000	-
Ông Đỗ Văn Đông	Thành viên BKS	16.000.000	17.000.000

Giao dịch	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc			
Bà Đặng Trần Gia Thoại	Giám đốc	1.137.887.246	988.630.285
Ông Ngô Quốc Vũ	Phó Giám đốc	801.223.930	762.503.054
Ông Hồ Khả Quốc	Phó Giám đốc	591.566.729	524.541.515
Ông Nguyễn Văn Thương	Phó Giám đốc	312.257.129	499.448.694
Bà Trần Thị Phước	Kế toán trưởng	637.093.769	555.730.228

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đặng Trần Gia Thoại

Trần Thị Phước

Nguyễn Thị Ngọc Thi

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

* Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty năm 2024 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ : www.viconshipdanang.com

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY CP CONTAINER MIỀN TRUNG



ĐẶNG TRẦN GIA THOẠI